

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 176/2017/HSST
Ngày 16 - 10 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Phúc
2. Ông Vũ Tiến Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tam

Ngày 16 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 169/2017/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Khúc Thành L**, sinh năm 1970 tại tỉnh T2; Nơi cư trú: Số nhà 13, tổ 12, phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình; số CMND: 15708344; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông: Khúc Anh P (đã chết) và con bà: Hoàng Thị X (đã chết); có vợ Phạm Thị H và con Khúc Hoàng L1; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tại ngoại bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/7/2017; có mặt.

- Người bị hại : Chị Đào Thị Minh T, sinh năm 1965; trú tại : Tổ 18, phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 10/6/2017 Khúc Thành L đi ra để khóa cổng đi ngủ thì nhìn thấy cửa sổ phía sau nhà ông Đào Quý H sinh năm 1944 trú tại số tổ 12, phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình ở đối diện với cổng nhà L không đóng. L quan sát trên chiếc giường kê sát cửa sổ có chiếc túi xách màu đỏ - đen (tài sản của chị Đào Thị Minh T, sinh năm 1965; trú tại: tổ 18, phường T, thành

phô T1 là con gái ông H) để ở phía cuối giường, trong nhà không có ai, L đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc túi . L lấy 02 thanh tre rút từ giàn mướp nhà L và dùng dây nhựa màu vàng tron g bếp buộc nối hai thanh tre lại dài khoảng 2,1 m. L cầm thanh tre tiến sát đến cửa sổ nhà ông H và dùng tay phải cầm thanh tre đưa qua song cửa sổ và móc chiếc túi xách ra ngoài . L mở kiểm tra bên trong chiếc túi có m ột chiếc điện thoại Sam sung Galaxy S6 và số tiền 1.100.000 đồng. L lấy chiếc điện thoại và số tiền 1.100.000 đồng bỏ vào túi quần đang mặc, rút chiếc túi ở giường rồi cầm thanh tre rút lên giàn mướp rồi về đi ngủ . Khoảng 03 giờ ngày 11/6/2017 L lấy điện thoại trộm cắp được đăng nhập vào tài khoản Zalo có sẵn trên điện thoại và thay đổi hình ảnh đại diện của chị T thành ảnh đại diện của L. Đến ngày 14/6/2017 L lấy điện thoại khác chụp ảnh chiếc điện thoại trộm cắp đăng lên trang cá nhân Facebook của Khúc Thành L và viết kèm theo tiêu đề “Thu hoạch” . Ngày 15/6/2017 L đã bán chiếc điện thoại Samsung Galaxy S6 trộm cắp được cho một người nam thanh niên k hông biết tên tuổi địa chỉ ở khu vực quán nước vỉa hè đường Lý Bôn , phường Đề Thám, thành phố Thái Bình , tỉnh Thái Bình lấy 800.000 đồng. Tiền bán điện thoại có được và số tiền 1.100.000 đồng trộm cắp được L tiêu xài cá nhân hết , tổng trị giá tài sản 6.600.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KLĐG-CATP ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận như sau: Tổng giá trị tài sản theo đề nghị của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình tại Quyết định số 31 ngày 07/7/2017 là 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Khúc Thành L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 177/KSĐT ngày 01 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Khúc Thanh L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi c ủa bị cáo Khúc Thành L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm . Giao bị cáo cho UBND phường T giám sát và giáo dục.

- Về xử lý vật chứng: Đối với hai thanh tre bị cáo L rút từ giàn mướp nhà bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 cần tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị Đào Thị Minh T số tiền 8.100.000 đồng chị T không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và không có ý kiến, tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản ghi lời khai của người bị hại chị Đào Thị Minh T (bút lục số 34-41); biên bản quản lý đồ vật tài liệu (bút lục số 18-19); kết luận định giá tài sản số 27 ngày 11/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 10/6/2017, Khúc Thành L đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy S6 đã qua sử dụng trị giá 5.500.000 đồng và số tiền 1.100.000 đồng của chị Đào Thị Minh T, sinh năm 1965, trú tại: Tổ 18, phường T, thành phố T1 để tại giường nhà ông Đào Quý H, sinh năm 1944 (bố đẻ chị T) ở Tổ 12, phường T, thành phố T1. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 6.600.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo phải chịu hình phạt theo quy định này.

Điều 138. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt

hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm ...”

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thì thấy: Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, nên cần xử đối với bị cáo một mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân tốt, bố bị cáo là ông Khúc Anh P được tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng năm 1975, mẹ bị cáo là bà Hoàng Thị X được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba năm 1984. Bị cáo được hưởng bốn tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, h, g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999.

[6] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo; về nhân thân và các tình tiết, giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy bị cáo L có khả năng tự cải tạo và việc để bị cáo L cải tạo ngoài xã hội không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo L đồng thời giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo L cải tạo và sửa chữa sai lầm, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội là phù hợp với quy định của pháp luật, chính sách khoan hồng của Đảng và nhà nước ta.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với hai thanh tre bị cáo L rút từ giàn mướp nhà bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị Đào Thị Minh T số tiền 8.100.000 đồng chị T không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo Khúc Thành L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Bị cáo Khúc Thành L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạt bị cáo Khúc Thành L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/10/2017.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T1 giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 2003, tịch thu tiêu hủy hai thanh tre là công cụ, phương tiện bị cáo L dùng vào việc phạm tội (biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03 tháng 10 năm 2017 giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình).

4. Về án phí : Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Khúc Thành L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/10/2017. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Hưng